

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG TH NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	35/35	1.2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	1.2 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4726	1.94
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2066	0.9
VI	Tổng diện tích các phòng	2522	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1680	1.2
2	Diện tích thư viện (m ²)	80	1
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	480	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	96	2.4
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	1.2
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	1.2
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	40	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	36	1.02
1.1	Khối lớp 1	7	1
1.2	Khối lớp 2	7	1
1.3	Khối lớp 3	6	1
1.4	Khối lớp 4	8	1.1
1.5	Khối lớp 5	8	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1.3 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	01 ti vi/lớp
2	Máy tính	35	01 máy/lớp
3	Máy tính dùng cho thư viện	04	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Điều hòa	80	02 máy/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	100
XI	Nhà ăn	02 phòng ăn = 240m ² + phòng lớp học đảm thoáng mát, có điều hòa

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1680	1270	1.4
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		4/4		0.05/0.05
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Máy Tơ, ngày 05 tháng 6 năm 2024



Trần Nguyên Lâm